

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DIÊN KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *990* /UBND-VHXH

Diên Khánh, ngày *08* tháng 9 năm 2025

V/v thực hiện chế độ báo cáo công
tác cải cách hành chính định kỳ

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị thuộc xã.

Thực hiện Công số 2039/UBND-PVHCC ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ;

Để bảo đảm báo cáo CCHC định kỳ của các cơ quan, đơn vị phản ánh đầy đủ tình hình triển khai công tác CCHC cũng như những kết quả đạt được trên 6 lĩnh vực CCHC, tạo thuận lợi cho công tác tổng hợp, theo dõi, đánh giá, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của xã, UBND xã quy định việc thực hiện chế độ báo cáo công tác CCHC định kỳ như sau:

I. NỘI DUNG BÁO CÁO

Việc xây dựng báo cáo công tác CCHC định kỳ của các cơ quan, đơn vị được thực hiện như sau:

1. Đối với báo cáo công tác CCHC của cơ quan, đơn vị

Kết cấu nội dung của báo cáo công tác CCHC định kỳ quý, 06 tháng, năm áp dụng cho tất cả cơ quan, đơn vị gồm các phần chính sau:

- Tình hình triển khai công tác CCHC;
- Kết quả thực hiện trên 6 lĩnh vực CCHC;
- Đánh giá chung;
- Phương hướng, nhiệm vụ CCHC trọng tâm;
- Kiến nghị, đề xuất.

(Nội dung cụ thể của các phần báo cáo theo Đề cương tại **Phụ lục 1** kèm theo Công văn này).

- Cung cấp số liệu theo biểu mẫu tại **Phụ lục 2** kèm theo Công văn này.

2. Đối với các báo cáo chuyên đề theo lĩnh vực CCHC

Ngoài việc báo cáo công tác CCHC của cơ quan, đơn vị mình nêu tại khoản 1, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan: Phòng Văn hóa – Xã hội, Phòng Kinh tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công tổng hợp, báo cáo chuyên đề theo nội

dung, lĩnh vực được phân công (có thể phát sinh nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch CCHC của UBND xã giao); cụ thể như sau:

- Văn phòng HĐND và UBND xã báo cáo lĩnh vực Cải cách thể chế theo đề cương và biểu mẫu tại **Phụ lục 3**.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã báo cáo lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính, Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử theo đề cương và biểu mẫu tại **Phụ lục 4**.

- Phòng Kinh tế xã báo cáo lĩnh vực Cải cách tài chính công và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo đề cương và biểu mẫu tại **Phụ lục 5**.

- Phòng Văn hóa – Xã hội xã báo cáo lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy, Cải cách chế độ công vụ, Xây dựng và phát triển Chính quyền số theo đề cương và biểu mẫu tại **Phụ lục 6** và tổng hợp chung, xây dựng báo cáo công tác CCHC định kỳ của UBND xã.

Các cơ quan, đơn vị báo cáo cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch CCHC của xã.

II. THỜI GIAN CHỐT SỐ LIỆU VÀ THỜI HẠN GỬI BÁO CÁO

1. Thời gian chốt số liệu

- Báo cáo định kỳ quý I: Tính từ ngày 11 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 3 thuộc kỳ báo cáo.

- Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm: Tính từ ngày 11 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 6 thuộc kỳ báo cáo.

- Báo cáo định kỳ quý III: Tính từ ngày 11 tháng 6 đến ngày 10 tháng 9 thuộc kỳ báo cáo.

- Báo cáo định kỳ năm: Tính từ ngày 11 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 12 thuộc kỳ báo cáo.

2. Thời hạn gửi báo cáo

a) Đối với báo cáo công tác CCHC của cơ quan, đơn vị và báo cáo chuyên đề theo lĩnh vực CCHC: Chậm nhất là **ngày 10** của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Thời hạn trình báo cáo và nhập số liệu thống kê (kèm tệp báo cáo) lên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đối với Phòng Văn hóa – Xã hội chậm nhất **ngày 12** của tháng cuối kỳ báo cáo.

III. HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC GỬI BÁO CÁO, NHẬP SỐ LIỆU

1. Hình thức báo cáo: Văn bản điện tử.

2. Phương thức gửi báo cáo: Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành E-Office (kèm theo file mềm) hoặc Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh khi có hướng dẫn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm quy định về việc thực hiện báo cáo công tác CCHC định kỳ; bám sát đề cương hướng dẫn, cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của cấp trên và của cơ quan phụ trách các lĩnh vực về CCHC; các thông tin, số liệu mới, có tính thời sự của quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong từng nội dung báo cáo, cần làm rõ tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện, đáng giá, nhận xét cụ thể những nét nổi bật, những tác động tích cực của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội, ngành, địa phương; làm rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân cũng như đưa ra các giải pháp, đề xuất cụ thể; cập nhật việc khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được cấp trên chỉ đạo hoặc tự phát hiện.

2. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội

Tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC của xã gửi UBND tỉnh, nhập và gửi số liệu thống kê báo cáo lên Phần mềm tổng hợp báo cáo CCHC đúng thời gian quy định, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND xã (thông qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để được hướng dẫn, giải đáp hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. /.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Cường

Phụ lục 1.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ (Kèm theo Công văn số 390/UBND-VHXX ngày 08/9/2025 của UBND xã)

1. Nội dung của báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) định kỳ quý, 06 tháng, năm gồm các phần chính sau:

- Tình hình triển khai công tác CCHC;
- Kết quả thực hiện trên 06 lĩnh vực CCHC;
- Đánh giá chung;
- Phương hướng, nhiệm vụ CCHC trọng tâm;
- Kiến nghị, đề xuất.
- Cung cấp thông tin số liệu theo biểu mẫu tại Phụ lục 2.

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

- Xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của UBND xã, các cơ quan ngành dọc cấp trên. Đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC (*tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đến thời điểm báo cáo*).

- Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của cơ quan, đơn vị đối với công tác CCHC và hiệu quả mang lại (*tham mưu/ban hành các văn bản chỉ đạo; tham mưu/chủ trì tổ chức các hội nghị, cuộc họp giao ban, chuyên đề để quán triệt thực hiện các nhiệm vụ CCHC; ...*).

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND xã giao.

- Những thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nguyên nhân của các khó khăn đó.

2. Công tác kiểm tra CCHC

- Việc ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra nội bộ CCHC hàng năm (*kiểm tra theo kế hoạch*).

- Các vấn đề lớn phát hiện qua kiểm tra, việc xử lý các vấn đề phát hiện và đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị.

- Kết quả khắc phục những hạn chế, thiếu sót qua kết quả kiểm tra CCHC theo chỉ đạo của UBND xã, Chủ tịch UBND xã, kết luận của Đoàn kiểm tra CCHC xã:

+ Đối với báo cáo Quý I, 6 tháng: Kết quả rà soát, khắc phục qua kết quả kiểm tra CCHC của năm trước liền kề theo chỉ đạo, kết luận của cấp thẩm quyền *(nếu có)*. Trường hợp đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra CCHC trong năm báo cáo thì báo cáo thêm kết quả khắc phục theo kết luận của Đoàn kiểm tra *(nếu có)*.

+ Đối với báo cáo Quý III, năm: Kết quả rà soát, khắc phục qua kết quả kiểm tra CCHC trong năm báo cáo theo chỉ đạo, kết luận của cấp thẩm quyền *(nếu có)*.

(Đối với cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra phải dẫn chứng một số thông tin, số liệu để minh chứng việc khắc phục hạn chế, thiếu sót đã được chỉ ra)

3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền, tập huấn về CCHC hàng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, bao gồm:

+ Nội dung thông tin, tuyên truyền;

+ Các hình thức thông tin, tuyên truyền;

+ Số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề,... về CCHC đã thực hiện;

+ Mức độ hoàn thành;

+ Đánh giá hiệu quả của thông tin, tuyên truyền đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội *(số lượng người tiếp cận, mức độ nhận thức thay đổi, số liệu minh chứng hiệu quả tuyên truyền đối với nội dung cụ thể,...)*;

- Việc tổ chức/tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề CCHC và hiệu quả mang lại.

4. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới, đột phá, sáng tạo trong CCHC đang được thí điểm hoặc đã được triển khai áp dụng trong năm báo cáo *(nêu rõ tên gọi, quy mô áp dụng, hiệu quả đem lại về nhân công, thời gian, kinh phí,...)*.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Trình dự thảo ban hành VBQPPL *(nêu số hiệu, ngày tháng ban hành, trích yếu)*.

- Theo dõi thi hành pháp luật *(thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật; xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật)*.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.
- Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL (*số lượng văn bản được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Việc ban hành và triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC.
- Số TTHC được rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa.
- Số TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa.
- Đánh giá về việc cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa (*nêu rõ % chi phí đã cắt giảm*).

2.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (*cơ sở vật chất, trang thiết bị; nhân sự làm việc; cơ chế phối hợp; chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức*).
- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (*theo từng lĩnh vực*)
- Kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ.
- Kết quả dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Việc kiểm soát, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cán bộ, công chức và cơ quan, đơn vị tham gia tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các đơn vị, địa phương
 - Việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành; đánh giá hiệu quả và sự phù hợp sau sắp xếp.
 - Tình hình quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện tinh giản biên chế.
 - Tình hình thực hiện quy chế làm việc, xây dựng và thực hiện các quy chế phối hợp hoạt động, quản lý nhà nước.
- b) Về thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước
 - Việc tham mưu, thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc chức năng, thẩm quyền;

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức
 - Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực và cơ cấu đã được phê duyệt.

b) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức
 Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng ngân sách
 - Thực hiện công khai ngân sách.
 - Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được giao.
 - Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công.
 - Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị
 Kết quả ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị.

c) Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định hiện hành.

d) Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch của xã về phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn xã (bao gồm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06).

- Tình hình triển khai ISO tại cơ quan, đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị trong thời gian tới.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành Trung ương.
2. Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh.
3. Kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị.

2. Về yêu cầu, cách thức xây dựng nội dung báo cáo¹

- Trên cơ sở kết cấu nội dung chính của báo cáo năm tại khoản 1, khoản 2 tại Phụ lục này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo quý, 6 tháng cho phù hợp, bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu. Cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ được UBND xã giao trong kế hoạch CCHC của xã và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu theo biểu mẫu tại Phụ lục 2.

Đối với báo cáo năm, cần báo cáo đầy đủ các nội dung chi tiết và tổng hợp số liệu đầy đủ theo Biểu mẫu tại Phụ lục 2.

b) Trong báo cáo, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của cấp trên và của cơ quan về cải cách hành chính; các thông tin, số liệu mới, có tính thời sự của quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong từng nội dung báo cáo, cần làm rõ tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện, đáng giá, nhận xét cụ thể những nét nổi bật, những tác động tích cực của cải cách hành chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương; làm rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân cũng như đưa ra các giải pháp, đề xuất cụ thể; cập nhật việc khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được cấp trên chỉ đạo hoặc tự phát hiện.

- Khuyến khích các cơ quan, đơn vị đưa vào báo cáo những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp sáng tạo để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chung trên phạm vi toàn xã; đề xuất các đề án, dự án, mô hình cải cách hành chính. /.

¹ Ngoài tình hình, kết quả thực hiện CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo nội dung khoản 1 nêu trên, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan: Phòng Văn hóa – Xã hội, Phòng Kinh tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công báo cáo kết quả chuyên đề lĩnh vực phụ trách theo Phụ lục 4 – 13.

Phụ lục 2.

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Công văn số 990 /UBND-VHXXH ngày 08 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Diên Khánh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			Cơ quan, đơn vị báo cáo
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản		
1.2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	=b/a*100	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	a	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	b	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC			
1.3.1	Số cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	=b/a*100	
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
1.4	Số lượng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC (trong năm báo cáo)	Mô hình, sáng kiến, giải pháp		
1.7.1	Đang triển khai thí điểm	Mô hình, sáng kiến, giải pháp		
1.7.2	Đã triển khai áp dụng	Mô hình, sáng kiến, giải pháp		

¹ - Cơ quan, đơn vị: Toàn bộ cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng báo cáo CCHC định kỳ

Nad

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.	Cải cách thể chế			Cơ quan, đơn vị báo cáo
2.1	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.1.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	=b/a*100	
2.1.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	a	
2.2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	b	
2.2	Rà soát VBQPPL			
2.2.1	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	=b/a*100	
2.2.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	a	
2.2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	b	
3.	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)			Cơ quan, đơn vị báo cáo
3.1	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.1.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%		
3.1.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	<i>Thủ tục</i>		
3.1.3	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục	=a+b	
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	<i>Thủ tục</i>	a	
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	<i>Thủ tục</i>	b	
3.2	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC			
3.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của UBND cấp xã. Trong đó:	%	=b/a*100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	Hồ sơ	=a+c	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	a	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	b	
	- Số hồ sơ TTHC đang giải quyết	Hồ sơ	c	
3.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư. Trong đó:			
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đất đai	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực xây dựng	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đầu tư	%		
3.3	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC. Trong đó:	%	=b/a*100	
3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	a	
3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	b	
3.5	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
3.5.1	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	=b/a*100	
	- Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	a	
	- Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	b	
3.5.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	=b/a*100	
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	a	

nah

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	<i>b</i>	
3.5.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	= $b/a \cdot 100$	
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	<i>a</i>	
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	<i>b</i>	
3.5.4	Số hồ sơ TTHC phát sinh thanh toán trực tuyến	Hồ sơ		
3.6	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC			
3.6.1	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cấp xã	%	= $b/a \cdot 100$	
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã có kết quả giải quyết	%	<i>a</i>	
	- Số hồ sơ (bao gồm kết quả giải quyết TTHC) đã số hóa	%	<i>b</i>	
3.6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%		
4.	Cải cách tổ chức bộ máy			
4.1	Số liệu về biên chế công chức			Cơ quan, đơn vị báo cáo
4.1.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.1.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.1.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
	- Theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	Người		
	- Theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP	Người		
4.1.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập			Đơn vị báo cáo
4.2.1	Tổng số người làm việc được giao	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách được giao	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được giao	Người		
	- Tổng số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ được giao	Người		
4.2.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Tổng số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
5.	Cải cách chế độ công vụ			Cơ quan, đơn vị báo cáo
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lũy kế từ đầu năm)			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Người		
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền)			
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã bị kỷ luật	Người		
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		
6.	Cải cách tài chính công			Cơ quan, đơn vị báo cáo
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
	- Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	- Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL tại xã (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSNCL	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			Cơ quan, đơn vị báo cáo
7.1	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)			
7.1.1	Có ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức	Có = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Không = 0		
7.1.2	Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp	Có = 1 Không = 0		
7.1.3	Có ứng dụng AI nâng cao khác	Có = 1 Không = 0		
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.2.1	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp	Chứng thư số, chữ ký số		
7.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (<i>chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%		
7.2.3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường điện tử (<i>theo danh mục được ban hành</i>)	%	=b/a*100	
	- Tổng số hồ sơ công việc theo danh mục	Hồ sơ	a	
	- Số hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường điện tử	Hồ sơ	b	
7.3	Cung cấp dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
7.3.1	Số TTHC đã triển khai thực hiện qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ¹
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
7.4	Số tài khoản thu điện tử công vụ được cấp phát	Tài khoản		
7.5	Công, Trang thông tin điện tử	Có = 1 Không = 0		
7.5.1	Số lượng tin bài đăng tải trong kỳ	Tin bài		
7.5.2	Số lượng tin bài đăng trong chuyên mục CCHC	Tin bài		
7.5.3	Số lượng tin bài đăng trong chuyên mục Chuyển đổi số	Tin bài		
7.5.4	Số lượt truy cập Công, Trang thông tin điện tử	Lượt		
7.6	Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh			
7.6.1	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn	%	=b/a*100	
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận trên hệ thống	Phản ánh, kiến nghị	a	
	- Số phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn	Phản ánh, kiến nghị	b	
7.6.2	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	%		
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được đánh giá	Phản ánh, kiến nghị	a	
	- Số phản ánh, kiến nghị được đánh giá hài lòng và rất hài lòng	Phản ánh, kiến nghị	b	

Phụ lục 3.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ

(Kèm theo Công văn số 990/UBND-VHXX ngày 08/9/2025 của UBND xã)

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

- Ban hành/trình ban hành VBQPPL (*nêu số hiệu, ngày tháng ban hành, trích yếu*).

- Theo dõi thi hành pháp luật (*thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật; xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật*).

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL (*số lượng văn bản được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị trong thời gian tới.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành Trung ương.

2. Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh.

3. Kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị.

Lưu ý: Về yêu cầu, cách thức xây dựng nội dung báo cáo¹

- Trên cơ sở kết cấu nội dung chính của báo cáo năm tại các nội dung tại Phụ lục này, địa phương xây dựng báo cáo quý, 6 tháng cho phù hợp, bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu. Cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện đối với các

¹ Ngoài tình hình, kết quả thực hiện CCHC tại địa phương theo các nội dung nêu trên, Văn phòng HĐND và UBND xã báo cáo kết quả chuyên đề lĩnh vực phụ trách theo Phụ lục này.

nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho địa phương trong kế hoạch CCHC của tỉnh và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu theo biểu mẫu tại Phụ lục này.

Đối với báo cáo năm, cần báo cáo đầy đủ các nội dung chi tiết và tổng hợp số liệu đầy đủ theo Biểu mẫu tại Phụ lục này (bao gồm kết quả thực hiện nhiệm vụ đã xác định tại Kế hoạch CCHC của địa phương và nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong Kế hoạch CCHC của tỉnh).

b) Trong báo cáo, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của cấp trên và của cơ quan về cải cách hành chính; các thông tin, số liệu mới, có tính thời sự của quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong từng nội dung báo cáo, cần làm rõ tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện, đánh giá, nhận xét cụ thể những nét nổi bật, những tác động tích cực của cải cách hành chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương; làm rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân cũng như đưa ra các giải pháp, đề xuất cụ thể; cập nhật việc khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được cấp trên chỉ đạo hoặc tự phát hiện.

- Khuyến khích địa phương đưa vào báo cáo những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp sáng tạo để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chung trên phạm vi toàn tỉnh; đề xuất các đề án, dự án, mô hình cải cách hành chính./.

STT	Nhiệm vụ được giao chủ trì (Căn cứ Kế hoạch của xã)				Tình hình, kết quả đạt được (ghi rõ tên sản phẩm/văn bản; đánh giá tiến độ đúng hạn/trễ hạn)
	Tên nhiệm vụ	Kết quả/sản phẩm	Tiến độ	Phân công và cách thức thực hiện	
I	Cải cách thể chế				
1
2
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1
2

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ²
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			- Văn phòng HĐND và UBND xã tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành trước và đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
2.	Cải cách thể chế			- Văn phòng HĐND và UBND xã tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã; - Cơ quan, đơn vị báo cáo
2.1	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) ban hành	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL tham mưu ban hành, trong đó	Văn bản	=a+b+c	
	- Số VBQPPL do HĐND tỉnh ban hành	Văn bản	a	
	- Số VBQPPL do UBND tỉnh ban hành	Văn bản	b	
	- Số VBQPPL do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Văn bản	c	
2.1.2	Số VBQPPL do cấp xã ban hành, trong đó:	Văn bản	=a+b	Văn phòng HĐND và UBND xã
	- Số VBQPPL do HĐND cấp xã ban hành	Văn bản	a	
	- Số VBQPPL do UBND cấp xã ban hành	Văn bản	b	
2.2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			Văn phòng HĐND và UBND xã
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	=b/a*100	
2.2.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	a	
2.2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	b	

² - Cơ quan, đơn vị: Toàn bộ cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng báo cáo CCHC định kỳ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ²
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3	Rà soát VBQPPL			<i>Văn phòng HĐND và UBND xã</i>
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	=b/a*100	
2.3.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	a	
2.3.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	b	
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (<i>chi thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>). Trong đó:			
	- Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của sở, ngành cấp tỉnh	%		(cấp tỉnh)
	- Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		<i>Văn phòng HĐND và UBND xã</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
7.6	Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh			<i>Văn phòng HĐND và UBND xã</i>
7.6.1	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn	%	=b/a*100	
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận trên hệ thống	<i>Phản ánh, kiến nghị</i>	a	
	- Số phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn	<i>Phản ánh, kiến nghị</i>	b	
7.6.2	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	%		
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được đánh giá	<i>Phản ánh, kiến nghị</i>	a	
	- Số phản ánh, kiến nghị được đánh giá hài lòng và rất hài lòng	<i>Phản ánh, kiến nghị</i>	b	

Phụ lục 4.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Công văn số 990/UBND-VHXX ngày 08/9/2025 của UBND xã)

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Công bố, công khai TTHC

a) Tham mưu công bố TTHC/danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương.

b) Về công khai TTHC: Tình hình thực hiện niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận Một cửa, trên Trang thông tin điện tử của địa phương.

1.2. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Việc ban hành và triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC.

- Số TTHC được rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa.

- Số TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

- Đánh giá về việc cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa (*nêu rõ % chi phí đã cắt giảm*).

1.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (*cơ sở vật chất, trang thiết bị; nhân sự làm việc; cơ chế phối hợp; chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức*).

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (*theo từng lĩnh vực*)

- Kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ.

- Kết quả dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Việc kiểm soát, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cán bộ, công chức và cơ quan, đơn vị tham gia tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC.

2. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh và xã.

- Kết quả thực hiện các nội dung sau (nếu có)¹;
- + Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật.
- + Kết quả xây dựng phát triển hệ thống nền tảng.
- + Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu.
- + Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị trong thời gian tới.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành Trung ương.
2. Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh.
3. Kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị.

Lưu ý: Về yêu cầu, cách thức xây dựng nội dung báo cáo²

- Trên cơ sở kết cấu nội dung chính của báo cáo năm tại các nội dung tại Phụ lục này, địa phương xây dựng báo cáo quý, 6 tháng cho phù hợp, bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu. Cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho địa phương trong kế hoạch CCHC của tỉnh và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu theo biểu mẫu tại Phụ lục này.

Đối với báo cáo năm, cần báo cáo đầy đủ các nội dung chi tiết và tổng hợp số liệu đầy đủ theo Biểu mẫu tại Phụ lục này (bao gồm kết quả thực hiện nhiệm vụ đã xác định tại Kế hoạch CCHC của địa phương và nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong Kế hoạch CCHC của tỉnh).

b) Trong báo cáo, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của cấp trên và của cơ quan về cải cách hành chính; các thông tin, số liệu mới, có tính thời sự của quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong từng nội dung báo cáo, cần làm rõ tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện, đáng giá, nhận xét cụ thể những nét nổi bật, những tác động tích cực của cải

¹ Đối với các đơn vị thụ hưởng thì báo cáo kết quả khai thác, sử dụng theo hướng dẫn, triển khai của cơ quan có thẩm quyền (như các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số,...)

² Ngoài tình hình, kết quả thực hiện CCHC tại địa phương theo các nội dung nêu trên, Trung tâm Phục vụ hành chính công báo cáo kết quả chuyên đề lĩnh vực phụ trách theo Phụ lục này.

chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương; làm rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân cũng như đưa ra các giải pháp, đề xuất cụ thể; cập nhật việc khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được cấp trên chỉ đạo hoặc tự phát hiện.

- Khuyến khích địa phương đưa vào báo cáo những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp sáng tạo để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chung trên phạm vi toàn tỉnh; đề xuất các đề án, dự án, mô hình cải cách hành chính./.

STT	Nhiệm vụ được giao chủ trì				Tình hình, kết quả đạt được (ghi rõ tên sản phẩm/văn bản; đánh giá tiến độ đúng hạn/trễ hạn)
	Tên nhiệm vụ	Kết quả/sản phẩm	Tiến độ	Phân công và cách thức thực hiện	
II	Cải cách thủ tục hành chính				
1
2
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1
2

nh

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)			<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
3.1	Thống kê TTHC của ngành, lĩnh vực			<i>(cấp tỉnh)</i>
3.2	Thống kê quy trình nội bộ (QTNB) giải quyết TTHC ngành, lĩnh vực			<i>(cấp tỉnh)</i>
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%		
3.3.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	<i>Thủ tục</i>		
3.3.3	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục	=a+b	
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	<i>Thủ tục</i>	<i>a</i>	
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	<i>Thủ tục</i>	<i>b</i>	
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC			
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Trong đó:	%	=b/a*100	<i>(cấp tỉnh)</i>
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của UBND cấp xã. Trong đó:	%	=b/a*100	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	<i>Hồ sơ</i>	=a+c	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	<i>Hồ sơ</i>	<i>a</i>	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	<i>Hồ sơ</i>	<i>b</i>	
	- Số hồ sơ TTHC đang giải quyết	<i>Hồ sơ</i>	<i>c</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư. Trong đó:			<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đất đai	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực xây dựng	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đầu tư	%		
3.4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của cơ quan ngành dọc. Trong đó:	%	=b/a*100	(cấp tỉnh)
3.5	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC. Trong đó:	%	=b/a*100	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
3.5.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	a	
3.5.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	b	
3.6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
3.6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện ngành, lĩnh vực	%	=b/a*100	(cấp tỉnh)
3.6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	=b/a*100	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
	- Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	a	
	- Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	b	
3.6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	=b/a*100	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	a	
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	b	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	=b/a*100	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	a	
	- Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	b	
3.6.5	Số hồ sơ TTHC phát sinh thanh toán trực tuyến	Hồ sơ		<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
3.7	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC			
3.7.1	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cấp tỉnh	%	=b/a*100	<i>(cấp tỉnh)</i>
3.7.2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cấp xã	%	=b/a*100	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã có kết quả giải quyết	%	a	
	- Số hồ sơ (bao gồm kết quả giải quyết TTHC) đã số hóa	%	b	
3.7.3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%		
	- Cấp tỉnh	%		<i>(cấp tỉnh)</i>
	- Cấp xã	%		<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.1	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)			
7.1.2	Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp	Có = 1 Không = 0		<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
7.3	Cung cấp dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã</i>
7.3.1	Số TTHC đã triển khai thực hiện qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Tổng số phản ánh, kiến nghị được đánh giá	Phản ánh, kiến nghị	a	
	- Số phản ánh, kiến nghị được đánh giá hài lòng và rất hài lòng	Phản ánh, kiến nghị	b	

nh

Phụ lục 5.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH

(Kèm theo Công văn số 990/UBND-VHXX ngày 08/9/2025 của UBND xã)

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế (về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh)

Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp

- Ban hành/tham mưu ban hành chương trình, kế hoạch, quy chế, quy định quan trọng góp phần cải thiện môi trường kinh doanh.

- Triển khai các hoạt động, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.

- Việc tổ chức đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và hiệu quả mang lại (nếu có).

2. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng ngân sách

- Thực hiện công khai ngân sách.

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được giao.

- Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Kết quả ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Kết quả thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

- Kết quả kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.

c) Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định hiện hành.

d) Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Kết quả thực hiện nội dung sau (nếu có)¹: *Xây dựng, phát triển đô thị thông minh.*

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị trong thời gian tới.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành Trung ương.
2. Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh.
3. Kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị.

Lưu ý: Về yêu cầu, cách thức xây dựng nội dung báo cáo²

- Trên cơ sở kết cấu nội dung chính của báo cáo năm tại các nội dung tại Phụ lục này, địa phương xây dựng báo cáo quý, 6 tháng cho phù hợp, bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu. Cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho địa phương trong kế hoạch CCHC của tỉnh và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu theo biểu mẫu tại Phụ lục này.

Đối với báo cáo năm, cần báo cáo đầy đủ các nội dung chi tiết và tổng hợp số liệu đầy đủ theo Biểu mẫu tại Phụ lục này (bao gồm kết quả thực hiện nhiệm vụ đã xác định tại Kế hoạch CCHC của địa phương và nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong Kế hoạch CCHC của tỉnh).

b) Trong báo cáo, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của cấp trên và của cơ quan về cải cách hành chính; các thông tin, số liệu mới, có tính thời sự của quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong từng nội dung báo cáo, cần làm rõ tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện, đáng giá, nhận xét cụ thể những nét nổi bật, những tác động tích cực của cải cách hành chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương; làm rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân cũng như đưa ra các giải pháp, đề xuất cụ thể; cập nhật việc khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được cấp trên chỉ đạo hoặc tự phát hiện.

¹ Đối với các đơn vị thụ hưởng thì báo cáo kết quả khai thác, sử dụng theo hướng dẫn, triển khai của cơ quan có thẩm quyền (như các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số,...)

² Ngoài tình hình, kết quả thực hiện CCHC tại địa phương theo các nội dung nêu trên, Phòng Kinh tế báo cáo kết quả chuyên đề lĩnh vực phụ trách theo Phụ lục này.

- Khuyến khích địa phương đưa vào báo cáo những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp sáng tạo để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chung trên phạm vi toàn tỉnh; đề xuất các đề án, dự án, mô hình cải cách hành chính. / natv

STT	Nhiệm vụ được giao chủ trì (Căn cứ Kế hoạch CCHC của xã)				Tình hình, kết quả đạt được (ghi rõ tên sản phẩm/văn bản; đánh giá tiến độ đúng hạn/trễ hạn)
	Tên nhiệm vụ	Kết quả/sản phẩm	Tiến độ	Phân công và cách thức thực hiện	
I	Cải cách thể chế				
1
2
II	Cải cách thủ tục hành chính				
1
2
V	Cải cách tài chính công				
1
2
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (nếu có)				
1
2

nh

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.	Cải cách tài chính công			Phòng Kinh tế
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
	- Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	- Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL tại xã (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSNCL	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		

Phụ lục 6.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY, CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ VÀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ (Kèm theo Công văn số 990/UBND-VHXX ngày 08/9/2025 của UBND xã)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

- Xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm của địa phương theo quy định của UBND tỉnh. Đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC (*tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đến thời điểm báo cáo*).

- Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của địa phương đối với công tác CCHC và hiệu quả mang lại (*tham mưu/ban hành các văn bản chỉ đạo; tham mưu/ chủ trì tổ chức các hội nghị, cuộc họp giao ban, chuyên đề để quán triệt thực hiện các nhiệm vụ CCHC; ...*).

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Những thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nguyên nhân của các khó khăn đó.

2. Công tác kiểm tra CCHC

- Việc ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm (*kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất*).

- Các vấn đề lớn phát hiện qua kiểm tra, việc xử lý các vấn đề phát hiện và đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai CCHC của địa phương.

- Kết quả khắc phục những hạn chế, thiếu sót qua kết quả kiểm tra CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, kết luận của Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh:

+ Đối với báo cáo Quý I, 6 tháng: Kết quả rà soát, khắc phục qua kết quả kiểm tra CCHC của năm trước liền kề theo chỉ đạo, kết luận của cấp thẩm quyền (*nếu có*). Trường hợp đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra CCHC trong năm báo cáo thì báo cáo thêm kết quả khắc phục theo kết luận của Đoàn kiểm tra (*nếu có*).

+ Đối với báo cáo Quý III, năm: Kết quả rà soát, khắc phục qua kết quả kiểm tra CCHC trong năm báo cáo theo chỉ đạo, kết luận của cấp thẩm quyền (*nếu có*).

(*Đối với cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra phải dẫn chứng một số thông tin, số liệu để minh chứng việc khắc phục hạn chế, thiếu sót đã được chỉ ra*)

3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền, tập huấn về CCHC hàng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, bao gồm:

+ Nội dung thông tin, tuyên truyền;

+ Các hình thức thông tin, tuyên truyền;

+ Số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề,... về CCHC đã thực hiện;

+ Mức độ hoàn thành;

+ Đánh giá hiệu quả của thông tin, tuyên truyền đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội (*số lượng người tiếp cận, mức độ nhận thức thay đổi, số liệu minh chứng hiệu quả tuyên truyền đối với nội dung cụ thể,...*);

- Việc tổ chức/tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề CCHC và hiệu quả mang lại.

4. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới, đột phá, sáng tạo trong CCHC đang được thí điểm hoặc đã được triển khai áp dụng trong năm báo cáo (*nêu rõ tên gọi, quy mô áp dụng, hiệu quả đem lại về nhân công, thời gian, kinh phí,...*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các đơn vị, địa phương

- Việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành; đánh giá hiệu quả và sự phù hợp sau sắp xếp.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện tinh giản biên chế.

- Tình hình thực hiện quy chế làm việc, xây dựng và thực hiện các quy chế phối hợp hoạt động, quản lý nhà nước.

b) Về thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước

- Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định tại địa phương;

- Việc tham mưu, thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc chức năng, thẩm quyền;

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

c) Kết quả triển khai sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã và xây dựng

mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện rà soát, sắp xếp thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (*UBND cấp xã báo cáo*).

2. Cải cách chế độ công vụ

a) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

- Việc tham mưu phê duyệt/phê duyệt đề án vị trí việc làm.

- Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực và cơ cấu đã được phê duyệt.

b) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: tuyển dụng (*thi tuyển, xét tuyển*), sử dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

c) Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Tình hình, kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại cơ quan, đơn vị.

3. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh và xã (bao gồm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06).

- Kết quả thực hiện các nội dung sau (*nếu có*)¹;

+ *Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật.*

+ *Kết quả xây dựng phát triển hệ thống nền tảng.*

+ *Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu.*

+ *Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.*

- Tình hình triển khai ISO tại địa phương.

Lưu ý: Về yêu cầu, cách thức xây dựng nội dung báo cáo²

¹ Đối với các đơn vị thụ hưởng thì báo cáo kết quả khai thác, sử dụng theo hướng dẫn, triển khai của cơ quan có thẩm quyền (như các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số,...)

² Ngoài tình hình, kết quả thực hiện CCHC tại địa phương theo các nội dung nêu trên, Phòng Văn hóa – Xã hội báo cáo kết quả chuyên đề lĩnh vực phụ trách theo Phụ lục này.

- Trên cơ sở kết cấu nội dung chính của báo cáo năm tại các nội dung tại Phụ lục này, địa phương xây dựng báo cáo quý, 6 tháng cho phù hợp, bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu. Cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho địa phương trong kế hoạch CCHC của tỉnh và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu theo biểu mẫu tại Phụ lục này.

Đối với báo cáo năm, cần báo cáo đầy đủ các nội dung chi tiết và tổng hợp số liệu đầy đủ theo Biểu mẫu tại Phụ lục này (bao gồm kết quả thực hiện nhiệm vụ đã xác định tại Kế hoạch CCHC của địa phương và nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong Kế hoạch CCHC của tỉnh).

b) Trong báo cáo, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của cấp trên và của cơ quan về cải cách hành chính; các thông tin, số liệu mới, có tính thời sự của quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Trong từng nội dung báo cáo, cần làm rõ tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả thực hiện, đáng giá, nhận xét cụ thể những nét nổi bật, những tác động tích cực của cải cách hành chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương; làm rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân cũng như đưa ra các giải pháp, đề xuất cụ thể; cập nhật việc khắc phục các hạn chế, thiếu sót đã được cấp trên chỉ đạo hoặc tự phát hiện.

- Khuyến khích địa phương đưa vào báo cáo những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp sáng tạo để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chung trên phạm vi toàn tỉnh; đề xuất các đề án, dự án, mô hình cải cách hành chính. / . *na*

STT	Nhiệm vụ được giao chủ trì (Căn cứ Kế hoạch CCHC của xã)				Tình hình, kết quả đạt được (ghi rõ tên sản phẩm/văn bản; đánh giá tiến độ đúng hạn/trễ hạn)
	Tên nhiệm vụ	Kết quả/sản phẩm	Tiến độ	Phân công và cách thức thực hiện	
I	Cải cách thể chế				
1
2
III	Cải cách tổ chức bộ máy				
1
2
IV	Cải cách chế độ công vụ				
1
2
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1
2

STT	Nhiệm vụ được giao chủ trì (Căn cứ Kế hoạch CCHC của xã)				Tình hình, kết quả đạt được (ghi rõ tên sản phẩm/văn bản; đánh giá tiến độ đúng hạn/trễ hạn)
	Tên nhiệm vụ	Kết quả/sản phẩm	Tiến độ	Phân công và cách thức thực hiện	
VII	Công tác chỉ đạo, điều hành				
1
2

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ³
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản		- <i>Phòng Văn hóa – Xã hội</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
1.2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	=b/a*100	- <i>Phòng Văn hóa – Xã hội</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	a	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	b	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC			- <i>Phòng Văn hóa – Xã hội</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
1.3.1	Số cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	=b/a*100	
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy			
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.2	Tỷ lệ các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ (cấp xã)	%		<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
	- Tổng số phòng trực thuộc UBND cấp xã			
	- Tổng số tổ chức hành chính khác trực thuộc			

³ - Cơ quan, đơn vị: Toàn bộ cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng báo cáo CCHC định kỳ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ³
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc			
	- Tổng số phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc			
	- Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc			
4.2	Số liệu về biên chế công chức			Phòng Văn hóa – Xã hội xã tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
	- Theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	Người		
	- Theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP	Người		
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập			Phòng Văn hóa – Xã hội xã tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách được giao	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được giao	Người		
	- Tổng số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ được giao	Người		
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ³
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tổng số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Phòng Văn hóa – Xã hội xã
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			Phòng Văn hóa – Xã hội xã
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lũy kế từ đầu năm)			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Người		Phòng Văn hóa – Xã hội xã
5.3.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		(cấp tỉnh)
5.3.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		(cấp tỉnh)
5.3.4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người		Phòng Văn hóa – Xã hội xã
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền)			Phòng Văn hóa – Xã hội xã
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người		
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ³
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.1	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)			
7.1.1	Có ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức	Có = 1 Không = 0		<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i>
7.1.3	Có ứng dụng AI nâng cao khác	Có = 1 Không = 0		<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i>
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.2.1	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó:	Chứng thư số, chữ ký số		
	- <i>Cấp tỉnh</i>	Chứng thư số, chữ ký số		<i>(cấp tỉnh)</i>
	- <i>Cấp xã</i>	Chứng thư số, chữ ký số		<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
7.2.3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường điện tử (<i>theo danh mục được ban hành</i>)	%	=b/a*100	<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
	- <i>Tổng số hồ sơ công việc theo danh mục</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>a</i>	
	- <i>Số hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường điện tử</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>b</i>	
7.4	Số tài khoản thư điện tử công vụ được cấp phát	Tài khoản		<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i> tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của xã
7.5	Cổng, Trang thông tin điện tử	Có = 1 Không = 0		<i>Phòng Văn hóa – Xã hội xã</i>
7.5.1	Số lượng tin bài đăng tải trong kỳ	Tin bài		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị báo cáo ³
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.2	Số lượng tin bài đăng trong chuyên mục CCHC	Tin bài		
7.5.3	Số lượng tin bài đăng trong chuyên mục Chuyển đổi số	Tin bài		
7.5.4	Số lượt truy cập Cổng, Trang thông tin điện tử	Lượt		

nh